

Bản án số: **17/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 27/02/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Nc Tiên.

Ông Nguyễn Nc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 01, xã Tiên Nc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn 7a, Xã T, HUYỆN P, tỉnh Quảng Nam.

Đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày: Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã T, HUYỆN P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2011. Cuộc sống chung giữa chị và anh H không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh H rượu chè, nhiều lần đánh đập chị. Nay, chị nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có hai người con chung là Nguyễn Thị Thuỳ T, sinh ngày 08/3/2012 và cháu Nguyễn Thị Trúc A, sinh ngày 11/7/2018. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh, còn cháu Trâm thì giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày bị đơn anh Nguyễn Văn H thể hiện: Anh và chị Đỗ Thị Nkết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân XÃ T, HUYỆN P, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh đi làm ăn xa, ít có thời gian về dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn gắn bó. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh thống nhất.

Về con chung: Anh thống nhất theo nguyện vọng của chị N, anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr vì hiện nay cháu Trâm đang ở cùng với anh; đối với cháu A thì giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thuỳ Tr, sinh ngày 08/3/2012 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị Trúc A, sinh ngày 11/7/2018 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhau. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Văn H đang cư trú tại XÃ T, HUYỆN P. Chị Đỗ Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung, Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan

hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Đỗ Thị Nvà anh Nguyễn Văn H đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đỗ Thị Nvà anh Nguyễn Văn H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân XÃ T, HUYỆN P, tỉnh Quảng Nam vào ngày 24/5/2011. Việc kết hôn giữa chị N và anh H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Tại bản khai của các đương sự đều thừa nhận hiện tại anh chị đã không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai, không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trên thực tế, các anh chị đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị N và anh H không có điều kiện để tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[3] **Về con chung:** Đối chiếu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa chị Đỗ Thị Nvà anh Nguyễn Văn H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thuỳ Tr, sinh ngày 08/3/2012 và Nguyễn Thị Trúc A, sinh ngày 11/7/2018. Sau khi ly hôn, anh chị đều có nguyện vọng giao cháu Tr cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nguyện vọng về con chung của anh chị phù hợp với ý kiến trình bày của cháu Trâm, do đó để đảm bảo quyền lợi của trẻ em, giữ ổn định cuộc sống của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị N, giao cháu Tr cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] **Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] **Về án phí:** Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 51, 53, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị Nduyợc ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Thị Thuý Tr, (sinh ngày 08 tháng 3 năm 2012) cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Thị Trúc A, (sinh ngày 11 tháng 7 năm 2018) cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Chị Đỗ Thị N chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008928 ngày 03/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục THADS huyện Tiên Phước;
- UBND XÃ T, HUYỆN P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Thanh Hải